VẤN ĐỀ CHỦ THỂ NHẬN THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NHẬN THỨC TRONG TRIẾT HỌC TÂY ÂU CẬN ĐẠI

NGUYỄN VĂN SANH (*)

Tóm tắt: *Sự phê phán triết học kinh viện và thế giới quan Trung cổ là nét đặc trưng của các nhà triết học Tây Âu Cận đại có tư tưởng tiến bộ. Ph.Bêcơn và R.Đêcáctơ đều coi lý tính là một lực lượng bản chất của con người; coi chủ thể nhận thức vừa có lý tính, vừa có tự ý thức. Đối với các ông, chủ thể nhận thức là con người sống và tư duy trong xã hội, nhưng đó không phải là cá nhân kinh nghiệm mà là chủ thể trừu tượng. Phương pháp nhận thức mà các nhà triết học Tây Âu Cận đại xây dựng yêu cầu những luận điểm xuất phát phải có tính chân thực và được duy trì trong suốt quá trình nghiên cứu. Theo họ, trực giác trí tuệ là năng lực nhận thức cao nhất của con người và phụ thuộc vào trình độ tư duy lôgíc. Có thể nói, các nhà triết học Tây Âu Cận đại đã khẳng định tính tích cực của chủ thể nhận thức, nhưng họ lại không chứng minh được trong khuôn khổ của chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy tâm.*

Sự phê phán triết học kinh viện và thế giới quan Trung cổ là nét đặc trưng cho tất cả các nhà triết học Tây Âu Cận đại có tư tưởng tiến bộ. Ph.Bêcơn là người mở đầu cho sự phê phán "thanh lọc" này. Ông tự xác định cho mình nhiệm vụ "phục hồi sự giao tiếp dưới hình thức tốt nhất giữa trí tuệ và sự vật"(1). Khả năng duy nhất để hoàn thành nhiệm vụ này, theo ông, là phải quay về với sự vật bằng phương tiện tốt nhất, phương tiện đó là tự nhiên và việc nghiên cứu tự nhiên là khuynh hướng cơ bản cho sự nghiệp cải cách khoa học. Với quan niệm đó, Ph.Bêcơn công khai thừa nhận mối liên hệ trực tiếp của ông với truyền thống triết học duy vật Cổ đại mà Anaxago và Đêmôcrit là hai đại biểu lớn nhất. Tiến hành phê phán triết học kinh viện Trung cổ từ lập trường lý luận của hai nhà triết học duy vật này, song, Ph.Bêcơn không phủ định thần học một cách tuyệt đối. Ông để lại cho thần học một lĩnh vực nghiên cứu – đó là Thượng đế và phương tiện tiếp xúc với Thượng đế là niềm tin và sự mặc khải.

Tuy nhiên, lý luận hai chân lý ở Ph.Bêcơn đã cho thấy thái độ phê phán của ông đối với hệ tư tưởng phong kiến. Ông coi hệ tư tưởng phong kiến chính là cái đã hạn chế quyền lực của lý tính con người. Đối tượng chủ yếu của triết học, theo ông, là giới tự nhiên, còn các phương tiện để đạt đến sự nhận thức giới tự nhiên là lý trí, lý tính, trí nhớ, ý nguyện của con người. Trong khi nghiên cứu tự nhiên và con người, triết học cần dựa vào các phương tiện nhận thức khoa học là kinh nghiệm và sự quan sát. Do vậy, có thể coi quan niệm về hai chân lý của Ph.Bêcơn là sự luận chứng triết học cho quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, là ý định đầu tiên nhằm gạt bỏ mối quan hệ đó ra khỏi các mưu đồ của thần học.

Thần luận là hình thức phê phán triết

(*) Tiến sĩ, Học viện Tài chính Hà Nội.

(1) Ph. Bêcơn. *Tác phẩm gồm 2 tập*. Nxb Tư tưởng, Mátxcơva, 1971, tr. 59.

học phổ biến nhất đối với tôn giáo ở thế kỷ XVII. Xu hướng cơ bản của nó là "giảm thiểu" vai trò của Thượng đế, coi Thượng đế chỉ là nguyên nhân đầu tiên cho sự xuất hiện một thế giới phát triển theo các quy luật riêng của nó. Giới tự nhiên (trừ thời điểm xuất hiện) tồn tại khách quan, vận động theo các quy luật tự nhiên vốn có của nó. Về phương diện nhận thức luận, giới tự nhiên được nhận thức là khách thể tự nhiên chung. Con người là một thực thể tự nhiên; lý tính là đặc tính riêng, vốn có ở con người. Lý tính, theo R.Đêcáctơ, là sức mạnh do tự nhiên gieo trồng vào trí tuệ con người(2).

Điều đó cho thấy, trong quan niệm của R.Đêcáctơ về lý tính con người, ngoài tư tưởng về bản chất tự nhiên của năng lực tư duy hợp lý, còn bao hàm tư tưởng về sự bình đẳng của con người đối với năng lực tư duy ấy. Quan niệm như vậy về lý tính con người cho phép xem xét cá nhân trừu tượng với tư cách chủ thể nhận thức, chủ thể phổ biến, khác biệt với cá nhân cụ thể, kinh nghiệm. Con người trừu tượng ấy là con người có "tâm hồn lý tính" (Bêcơn), có "sức mạnh trí tuệ tự sinh" (Lốccơ), có cảm xúc và tình cảm cao nhất, được trung gian hóa bởi một thực thể có tư duy đặc biệt (Đêcáctơ). Các phẩm chất này đem lại cho con người năng lực tư duy tích cực, có khả năng sáng tạo và định hướng quan hệ tích cực của nó với thế giới. Tuy nhiên, nguồn gốc của năng lực này lại không được các nhà triết học thế kỷ XVII xem xét một cách chuyên sâu. Họ mới dừng lại ở việc mô tả các chức năng tự giám sát của lý tính, cố gắng giải thoát nó khỏi sự thần bí, khỏi quan niệm ảo tưởng của khoa học.

Ph.Bêcơn không phê phán văn hóa phong kiến một cách trừu tượng, chung chung, mà phê phán chủ thể nhận thức của nó, phê phán đại diện của nền văn hóa này (ý thức hệ phong kiến). Khách thể chủ yếu của sự phê phán này là trí tuệ, là ý thức của chủ thể mà xét theo bản chất, chúng có đủ các khả năng để nhận thức các sự vật tự nó, song lại bị nhiễm các ảo tưởng sai lầm của ý thức hệ phong kiến, chịu sự chi phối của các thiên kiến nào đó. Ph.Bêcơn hướng mọi nỗ lực của mình vào việc gạt bỏ quan hệ nhận thức khỏi sự chủ quan hóa, phân định trong nhận thức những gì thuộc về con người và những gì thuộc về thế giới. Với mục đích đó, ông tiến hành nghiên cứu quá trình khách quan hóa tri thức, tìm kiếm điều kiện đồng nhất giữa nội dung của hoạt động nhận thức với quy luật tác động khách quan. Không đi sâu vào nguồn gốc của các vấn đề này, Ph.Bêcơn chỉ đơn giản xuất phát từ sự trùng hợp ban đầu giữa lý tính với tư cách một lực lượng của tự nhiên và lý tính với tư cách một lực lượng cần phải "gột rửa" của chủ thể nhận thức.

R.Đêcáctơ cũng chủ trương phủ định một cách triệt để những ảnh hưởng sai lầm từ các tư tưởng và nền văn hóa của xã hội cũ. Ông tỏ thái độ phê phán gay gắt đối với triết học kinh viện, đối với chủ nghĩa hoài nghi – thứ chủ nghĩa đã khẳng định hoài nghi chỉ để hoài nghi chứ không phải để tìm kiếm các cơ sở sâu xa và vững chắc của nhận thức và hành động. Bản thân tên gọi tác phẩm của R.Đêcáctơ - "*Mặc tưởng về phương pháp để điều khiển tốt lý tính của mình và tìm kiếm chân lý trong khoa học*" đã cho thấy rõ mục đích nghiên cứu của ông.

Nguyên tắc hoài nghi phổ biến đối với R.Đêcáctơ là phương tiện tìm kiếm các cơ sở nền tảng của quan hệ nhận thức giữa con người và thế giới. Việc nghiên cứu nguồn gốc của nhận thức và năng lực tư

(2) R.Đêcáctơ. *Các quy tắc để chỉ đạo trí tuệ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Mátxcơva, 1950, tr. 92.

duy của chủ thể nhận thức đã đưa R.Đêcáctơ đến tư tưởng khẳng định tính thiết yếu của sự hoài nghi trong mọi lĩnh vực nghiên cứu. Phân tích một cách sâu sắc các vấn đề này, R.Đêcáctơ đi đến kết luận về tính hạn chế của sự phản ánh bằng cảm tính, về tính ảo tưởng của nó và đôi khi còn là tính vô căn cứ hoàn toàn của nó. Hạn chế của nhận thức cảm tính, theo ông, không thể khắc phục được bằng việc hoàn thiện kỹ thuật. Thí nghiệm có thể giúp đỡ cho con người phát hiện ra các quy luật của tự nhiên, nhưng nó cũng là phương tiện không đầy đủ, vì sự tác động của các sự vật tự nhiên bao giờ cũng phụ thuộc vào các giác quan nhất định. Theo R.Đêcáctơ, nguyên nhân cơ bản sinh ra tính hạn chế của nhận thức cảm tính là ở chỗ, cảm giác có quan hệ với "liên minh giữa thể xác con người và tâm hồn", cảm giác thực hiện vai trò của cái có thể chỉ ra giá trị của sự vật đối với con người và chỉ "đôi khi và một cách ngẫu nhiên, nó mới cho thấy thể xác tự nó là gì"(3).

Tri thức về khách thể được hình thành bởi lý tính và bằng con đường phân tích, theo R.Đêcáctơ, cũng là hạn chế và không hoàn toàn đáng tin cậy. Bởi không có gì bảo đảm rằng giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức không được trung gian hóa bởi Đấng toàn năng (Thượng đế). Thượng đế đã đặt giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức một thế giới ảo thay cho các sự vật hiện thực. Do sự trung gian hóa này, R.Đêcáctơ khẳng định, con người không thể coi tri thức về bản chất đơn giản của sự vật là chân lý đáng tin cậy. Con người chỉ có thể tin vào chính bản thân mình, vào lôgíc của lý tính của riêng mình.

Cơ sở duy nhất và vững chắc để đạt tới chân lý, theo R.Đêcáctơ, là sự tin tưởng vào thực tế tồn tại của bản thân tư duy. Sự hoài nghi chứng minh tính thực tại của tư duy, còn việc xác định tính thực tại của tư duy lại chứng thực cho sự tồn tại của "cái Tôi". "Cái Tôi" tư duy được R.Đêcáctơ coi là tiền đề cơ bản, là nền tảng của nhận thức khoa học.

Như vậy, có thể nói, nét đặc trưng cho cả Ph.Bêcơn và R.Đêcáctơ là tư tưởng coi *lý tính là một trong các lực lượng bản chất của con người*. Với tư tưởng này, các ông đã nghiên cứu và lý giải quan hệ hợp lý giữa con người và thế giới, coi quan hệ này là cái được hình thành bởi sự thống nhất trong mâu thuẫn giữa sự phản ánh và sự phản tư có giám sát của chủ thể. *Chủ thể nhận thức*, một mặt, *có lý tính* với tư cách "ánh sáng tự nhiên"; mặt khác, *có tự ý thức* với tư cách cái phản ánh quan hệ hợp lý đó và có thể giải phóng "ánh sáng tự nhiên" của lý tính khỏi các ảo tưởng, hướng nó vào việc đạt tới chân lý.

Trong nền triết học Tây Âu Cận đại, vấn đề mối quan hệ giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức được coi là đối tượng nghiên cứu đặc biệt. Cái được luận chứng về mặt lý luận ở đây là quan niệm về sự khách quan hóa nhận thức, về tính thích hợp của phương pháp, cấu trúc của nhận thức khoa học và vấn đề các năng lực của chủ thể nhận thức. Các nhà triết học Tây Âu Cận đại coi *chủ thể nhận thức là con người sống và tư duy trong xã hội*. Song, đó không phải là cá nhân kinh nghiệm, mà là *chủ thể trừu tượng*. Đó cũng không phải là Thượng đế của thần học, không phải là chủ thể theo quan niệm của các nhà triết học thuộc trường phái Xtoíc – chủ thể hướng tới tính phổ biến và tìm kiếm sự bảo vệ của mình ở đó, không phải là con người hoài nghi cổ đại.

(3) R.Đêcáctơ. *Tuyển tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Mátxcơva, 1964, tr. 41.

Đó là con người tin vào sức mạnh của mình, vào sức mạnh của tư duy của mình. Chủ thể nhận thức ấy luôn hướng tới tự nhiên để xây dựng quan điểm đúng đắn, xác thực về sự vật, xây dựng phương pháp khoa học, dựa vào khoa học tự nhiên kinh nghiệm. Trong nhận thức, chủ thể ấy không tin vào Thượng đế, mà tin vào bản thân mình.

Xét về phương diện này thì việc phân tích luận điểm "Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại" của R.Đêcáctơ có một ý nghĩa đặc biệt. "Tôi tư duy..." ở R.Đêcáctơ cho thấy, ông chủ trương chống lại thần học, "gột rửa" quan hệ nhận thức của con người với giới tự nhiên và với chính bản thân mình khỏi mọi cái siêu nhiên, mọi cái trung gian, thần bí. Theo nghĩa đó thì "Tôi tư duy..." của R.Đêcáctơ có thể được hiểu là "Người tư duy là Tôi, chứ không phải là Thượng đế". "Tôi tư duy..." còn cho thấy có sự hiện diện của chủ thể có ý thức (Tôi tư duy về thế giới) và sự hiện diện của tự ý thức (Tôi khẳng định rằng tôi đang tư duy). Luận điểm này cho thấy, R.Đêcáctơ đề cao cả lý tính với tư cách "ánh sáng tự nhiên" lẫn lý tính với tư cách tự ý thức và là cái có khả năng giám sát "ánh sáng tự nhiên" đó, làm cho nó phù hợp với các quy luật của tự nhiên. Với quan niệm đó, R.Đêcáctơ khẳng định *chủ thể nhận thức là chủ thể có ý thức về đối tượng và ý thức về chính bản thân mình*. Rằng, sự tương tác giữa ý thức về đối tượng và ý thức về bản thân mình thực hiện chức năng sáng tạo của nhận thức con người.

Luận điểm "Tôi tư duy..." của R.Đêcáctơ đã đi vào lịch sử triết học với tư cách một câu phương ngôn, có nội dung và ý nghĩa sâu sắc. Luận điểm ấy biểu thị xu hướng định hướng nhận thức về phía chủ thể hiện thực, tức là chuyển từ Thượng đế sang con người. Nói cách khác, ông chuyển tính chủ động trong nhận thức, các năng lực và khả năng nhận thức thế giới khách quan cho con người. Trong quá trình nhận thức, con người quan sát giới tự nhiên, con người là tác giả của các giả thuyết và là người tổ chức kiểm tra các giả thuyết, xây dựng các học thuyết lý luận. Nghiên cứu những đặc điểm của quan hệ nhận thức, con người có khả năng lựa chọn và xây dựng các phương tiện nhận thức, nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phù hợp của tư duy với các quy luật của bản thân giới tự nhiên.

Các tác giả của học thuyết về phương pháp không dừng lại ở việc khẳng định lý tính có thể đạt tới các bản chất đơn giản nhất của sự vật, họ còn đặt ra vấn đề tổng hợp các tri thức đơn giản và rõ ràng thành hệ thống chỉnh thể. Xuất phát từ việc thừa nhận mối liên hệ nội tại giữa cái chung và cái riêng, họ chỉ ra con đường phát hiện cái chung trong cái riêng. Tuy nhiên, vấn đề này chỉ được các nhà triết học Tây Âu thế kỷ XVII – XVIII giải quyết ở cấp độ cái chung trừu tượng. Cái chung trừu tượng khác với cái chung cụ thể – cái mà theo Hêgen, "bao hàm cả sự phong phú của cái đặc thù, cái cá thể, cái cá biệt". Cái chung trong quan niệm của các nhà triết học Tây Âu Cận đại là một tri thức cá biệt, tồn tại bên cạnh những đối tượng và thực thể khác, chứ không phải là quy luật tồn tại và phát triển của các hiện tượng đơn nhất.

Phương pháp nhận thức mà các nhà triết học Tây Âu Cận đại đã xây dựng luôn cần đến sự giả định phải có các luận điểm xuất phát phù hợp với hiện thực; cần đến sự giả định các luận điểm là phổ biến và do vậy, cần phải duy trì tính chân thực của các luận điểm đã được thông qua. Các yêu cầu cơ bản mà chủ thể nhận thức cần thực hiện trong học thuyết về phương

pháp là: 1/ Thừa nhận tính chân thực của luận điểm xuất phát; 2/ Phải duy trì tính chân thực đó trong suốt quá trình nghiên cứu. Dấu hiệu cho thấy tính chân thực của tri thức, theo họ, là tính hiển nhiên của luận điểm không cần đến bất cứ sự chứng minh đặc biệt nào. Chủ thể nhận thức phải có năng lực xác định – năng lực *trực giác trí tuệ* mới có thể hoàn thành chức năng xác lập tính chân thực của tri thức và giám sát việc duy trì nó. Trực giác trí tuệ, theo họ, là năng lực nhận thức cao nhất của con người; nó phụ thuộc nhiều vào trình độ phát triển của tư duy lôgíc. Việc xác nhận bằng trực giác tính chân thực trong các nguyên lý lý luận là kết quả "lao động nghiêm túc" trước đó của trí tuệ. Trong trực giác này không có gì là siêu nhiên, thần bí. Theo R.Đêcáctơ, trực giác trí tuệ cần phải chịu trách nhiệm trước chủ thể nhận thức về tính rõ ràng, chặt chẽ, hiển nhiên của các tiên đề xuất phát, và cùng với phép diễn dịch, nó phải thực hiện nhiệm vụ duy trì nội dung khách quan của các tiền đề lý luận trong quá trình nhận thức.

Các luận điểm cơ bản trong học thuyết về phương pháp nhận thức của R.Đêcáctơ đã được ông cụ thể hóa bằng các quy tắc:

1/ Không thừa nhận bất kỳ cái gì là chân lý trước khi thừa nhận nó là một chân lý hiển nhiên. Nghĩa là phải cố tránh sự vội vàng và định kiến, chỉ nên đưa vào phán đoán của mình những gì mà đối với trí tuệ là rõ ràng và hiển nhiên.

2/ Chia mỗi sự vật phức tạp, trong chừng mực có thể làm được, thành các bộ phận để có được sự tiện lợi nhất trong việc nghiên cứu chúng.

3/ Trong quá trình nhận thức, chủ thể nhận thức cần phải xuất phát từ những đối tượng đơn giản nhất và dễ nhận thức nhất, đi dần theo các thang bậc cho tới khi nhận thức được các đối tượng phức tạp nhất.

4/ Cần phải xem xét mọi dữ kiện, không được phép bỏ qua bất cứ một tư liệu nào trong quá trình nhận thức sự vật.

Chủ thể nhận thức chỉ có thể hoàn thành các chức năng nhận thức trong quá trình nhận thức sự vật trên cơ sở tự ý thức. Vai trò đó của tự ý thức được R.Đêcáctơ thể hiện rõ trong luận điểm "Tôi tư duy...". Luận điểm này vạch ra cấu trúc nội tại của ý thức đang nhận thức – "Tôi tư duy" một cách đồng thời trên hai bình diện: "Tôi tư duy về thế giới" và "Tôi khẳng định rằng tôi đang tư duy". Do vậy, ý thức của con người là sự thống nhất của hai phương diện: ý thức về đối tượng và ý thức về bản thân mình.

Như vậy, có thể nói, tính tích cực của chủ thể nhận thức đã được các nhà triết học Tây Âu Cận đại nêu ra, nhưng họ không thể chứng minh được trong khuôn khổ của chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy tâm. Trong suy luận của các nhà triết học này, nhận thức của chủ thể dường như chưa với tới bản thân thế giới, chưa nắm bắt được phương thức giải quyết bằng vật chất đối với các mâu thuẫn giữa chủ thể và khách thể, xã hội và tự nhiên, cá nhân và xã hội. Từ lập trường siêu hình, các nhà triết học Tây Âu Cận đại không thể xác định được tiêu chuẩn chân chính về sự phù hợp của trật tự ý niệm với trật tự sự vật, bởi theo C.Mác, vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lý luận, mà là một vấn đề thực tiễn.❐